CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 12/CV/2023-SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính Tổng hợp kiểm toán 2023.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
.....oOo.....

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trục sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trục sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: ☐24h ☐72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ✓Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Tổng hợp sau kiểm toán năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính Tổng hợp sau kiểm toán so với cùng kỳ.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2023 tại đường dẫn http://sonhasg.com.vn .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu VT*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0307526635, E=VIETTELGROUP2020@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.30 09:17:58+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0307526635 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN H.HÓC MÔN - T.P.HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Thu Hạnh

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

M.S.D.N: 0307926635 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
H.HÓC MÔN - T.P.HỒ CHÍ MINH

Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Số: 242/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021082
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**656.566.879.536**	**580.878.884.372**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**30.925.758.789**	**29.130.091.031**
Tiền	111		30.925.758.789	29.130.091.031
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**14.968.986.040**	**14.354.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.1	14.968.986.040	14.354.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**276.348.011.161**	**260.657.502.894**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	258.444.266.662	253.436.715.142
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.345.527.073	6.723.131.046
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	16.294.190.875	2.233.630.155
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.740.913.450)	(1.740.913.450)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**319.347.511.918**	**266.477.704.484**
Hàng tồn kho	141		319.347.511.918	266.477.704.484
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**14.976.611.628**	**10.259.585.963**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	2.256.992.311	2.009.448.752
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.719.619.317	8.240.925.387
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	9.211.824
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**245.758.652.722**	**248.810.253.122**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**545.046.684**	**545.046.684**
Phải thu dài hạn khác	216	9	545.046.684	545.046.684
Tài sản cố định	**220**		**128.282.189.335**	**106.807.057.173**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	90.856.393.363	67.591.479.657
- Nguyên giá	*222*		*169.188.859.950*	*131.648.621.077*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(78.332.466.587)*	*(64.057.141.420)*
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	3.138.059.392	3.814.404.712
- Nguyên giá	*225*		*5.254.881.818*	*5.254.881.818*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(2.116.822.426)*	*(1.440.477.106)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	34.287.736.580	35.401.172.804
- Nguyên giá	*228*		*46.109.659.444*	*46.109.659.444*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(11.821.922.864)*	*(10.708.486.640)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**31.515.004.642**	**49.622.252.197**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	31.515.004.642	49.622.252.197
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**80.000.000.000**	**80.000.000.000**
Đầu tư vào công ty con	251	7.2	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7.1	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.416.412.061**	**11.835.897.068**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	5.416.412.061	11.835.897.068
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**902.325.532.258**	**829.689.137.494**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**533.182.464.159**	**467.953.102.490**
Nợ ngắn hạn	**310**		**532.286.821.457**	**466.159.162.746**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	131.629.112.970	94.355.323.736
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.074.784.199	6.557.941.843
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	615.528.003	697.437.152
Phải trả người lao động	314		5.961.022.255	9.778.119.646
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.942.583.636	18.775.455.274
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	693.474.240	365.780.663
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	380.088.409.310	333.347.197.588
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.281.906.844	2.281.906.844
Nợ dài hạn	**330**		**895.642.702**	**1.793.939.744**
Phải trả dài hạn khác	337	18	242.919.000	300.919.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	652.723.702	1.493.020.744
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**369.143.068.099**	**361.736.035.004**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**369.143.068.099**	**361.736.035.004**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		334.466.750.000	334.466.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*334.466.750.000*	*334.466.750.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.686.797.071	13.686.797.071
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.239.521.028	13.832.487.933
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(3.166.849.567)*	*(794.809.166)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*24.406.370.595*	*14.627.297.099*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**902.325.532.258**	**829.689.137.494**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Hoàng Oanh	Trần Thị Thu Hạnh	Ngô Thị Thanh Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**1.064.179.673.832**	**844.863.328.204**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	69.000.827.589	52.484.786.945
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**995.178.846.243**	**792.378.541.259**
Giá vốn hàng bán	**11**	**22**	**887.824.800.605**	**701.832.355.421**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	**20**		**107.354.045.638**	**90.546.185.838**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	25.738.893.137	16.490.949.517
Chi phí tài chính	22	24	24.111.129.194	19.214.521.203
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*23.660.856.437*	*18.660.171.366*
Chi phí bán hàng	25	25	58.065.941.078	52.543.630.081
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	25.203.873.104	21.026.244.618
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**25.711.995.399**	**14.252.739.453**
Thu nhập khác	31	26	507.005.994	1.737.877.991
Chi phí khác	32	27	58.398.899	29.535.705
Lợi nhuận khác	**40**		**448.607.095**	**1.708.342.286**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**26.160.602.494**	**15.961.081.739**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.754.231.899	1.333.784.640
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**24.406.370.595**	**14.627.297.099**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Hoàng Oanh	Trần Thị Thu Hạnh	Ngô Thị Thanh Lan

M.S.D.N: 0307526633 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN H. HÓC MÔN - T.P HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**1**		**26.160.602.494**	**15.961.081.739**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.065.106.711	13.595.717.512
Các khoản dự phòng	03		-	(7.213.028)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(18.692.039.677)	(10.187.409.397)
Chi phí lãi vay	06		23.660.856.437	18.660.171.366
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***47.194.525.965***	***38.022.348.192***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.159.990.374)	8.976.903.265
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(52.869.807.434)	(69.113.208.587)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		753.232.944	(4.042.369.379)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.171.941.448	(3.971.103.608)
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.420.131.709)	(18.760.152.534)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.755.773.624)	(1.997.390.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(34.086.002.784)***	***(50.884.973.064)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.410.745.722)	(40.351.735.877)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(614.986.040)	(42.354.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	18.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.692.039.678	10.102.246.463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(9.333.692.084)***	***(54.603.489.414)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		920.524.645.937	758.893.615.156
Tiền trả nợ gốc vay	34		(873.783.434.215)	(731.533.474.584)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(840.297.096)	(840.297.096)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(685.552.000)	(273.490.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***45.215.362.626***	***26.246.352.567***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**1.795.667.758**	**(79.242.109.911)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**29.130.091.031**	**108.372.200.942**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**30.925.758.789**	**29.130.091.031**

Thành phố. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Hoàng Oanh	Trần Thị Thu Hạnh	Ngô Thị Thanh Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 301 người (tại ngày 31/12/2021 là 292 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tổ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng,T.Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nia, Thành Phố Gia Nghĩa,Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh ĐăkLăk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02-B4, KĐT Phước Long - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi ,Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

(i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;

(ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

(iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

(iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

(v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Tiền mặt	7.937.308.144	4.801.148.597
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.988.450.645	24.328.942.434
Cộng	**30.925.758.789**	**29.130.091.031**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	**2.256.992.311**	**2.009.448.752**
- Chi phí trả trước về thuê kho	563.333.340	808.783.341
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	414.000.518	309.132.013
- Chi phí bảo hiểm	619.308.300	632.775.646
- Chi phí sửa chữa	137.767.024	70.116.670
- Các khoản khác	522.583.129	188.641.082
b) Dài hạn	**5.416.412.061**	**11.835.897.068**
- Chi phí Công cụ dụng cụ	2.082.525.282	3.691.674.192
- Chi phí sửa chữa	1.494.710.278	2.382.964.357
- Chi phí mua bảo hiểm	-	738.288
- Chi phí quảng cáo	340.853.326	2.385.973.330
- Thuê đất - Cần Thơ	1.255.835.360	2.762.837.792
- Các khoản khác	242.487.815	611.709.109
Cộng	**7.673.404.372**	**13.845.345.820**

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	**31.515.004.642**	**49.622.252.197**
- Quyền sử dụng đất (*)	31.072.093.700	31.072.093.700
- Xây dựng nhà máy Cần Thơ	442.910.942	18.550.158.497
Cộng	**31.515.004.642**	**49.622.252.197**

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m2 tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m2 tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

7.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**14.968.986.040**	**14.968.986.040**	**14.354.000.000**	**14.354.000.000**
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	6.642.519.206	6.642.519.206	6.350.000.000	6.350.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Công thương Việt Nam (2)	8.326.466.834	8.326.466.834	8.004.000.000	8.004.000.000
Dài hạn	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**
+ Trái phiếu (3)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	**24.968.986.040**	**24.968.986.040**	**24.354.000.000**	**24.354.000.000**

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn;

(2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – phòng giao dịch Phạm Văn Hai;

(3) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, kỳ hạn 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai (1)	*70.000.000.000*	-	(*)	*70.000.000.000*	-	(*)
Cộng	**70.000.000.000**	-	(*)	**70.000.000.000**	-	(*)

(1) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 vào ngày 21 tháng 03 năm 2018 số tiền 70.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**258.444.266.662**	**(1.711.106.749)**	**253.436.715.142**	**(1.711.106.749)**
- Công ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	39.959.864.947	-	36.377.255.067	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hưng Thịnh	13.161.080.515	-	29.816.631.631	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kim loại VINA	52.558.715.469	-	29.728.969.640	-
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Thép Hải Phát	25.364.834.106	-	29.547.507.546	-
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	17.734.943.490	-	25.643.765.440	-
- Công Ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ kỹ thuật Đại Phú Thịnh	23.576.845.477	-	20.488.066.331	-
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	5.922.897.220	-	17.343.865.090	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	671.002.090	-	9.557.660.732	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.283.675.897	-	2.712.402.125	-
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.533	(822.711.533)	822.711.533	(822.711.533)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu năng lượng Quốc tế ATH	20.007.133.410	-	-	-
- Các đối tượng khác	55.492.167.292	-	50.509.484.791	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**258.444.266.662**	**(1.711.106.749)**	**253.436.715.142**	**(1.711.106.749)**

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**16.294.190.875**	-	**2.233.630.155**	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	5.459.497.611	-	1.600.628.808	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	146.873.894	-
- Ký cược, ký quỹ	121.139.316	-	145.139.316	-
- Phải thu khác	713.553.948	-	340.988.137	-
b) Dài hạn	**545.046.684**	-	**545.046.684**	-
- Ký cược, ký quỹ	545.046.684	-	545.046.684	-
Cộng	**16.839.237.559**	-	**2.778.676.839**	-

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.1

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	6.706.029.972	-	577.010.471	-
Nguyên liệu, vật liệu	126.604.558.742	-	86.844.619.753	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.497.671.154	-	6.399.420.718	-
Thành phẩm	38.596.254.740	-	29.295.969.921	-
Hàng hóa	138.942.997.310	-	143.360.683.621	-
Cộng	**319.347.511.918**	-	**266.477.704.484**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	**50.497.796.904**	**29.574.398.216**	**45.038.296.049**	**6.538.129.908**	**131.648.621.077**
- Mua trong năm	-	1.965.617.100	-	36.656.500	2.002.273.600
- Đầu tư XDCB hoàn thành	34.464.998.000	1.072.967.273	-	-	35.537.965.273
31/12/2022	**84.962.794.904**	**32.612.982.589**	**45.038.296.049**	**6.574.786.408**	**169.188.859.950**
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	**(16.358.782.213)**	**(19.792.635.656)**	**(26.219.036.169)**	**(1.686.687.382)**	**(64.057.141.420)**
- Khấu hao trong năm	(6.949.597.257)	(2.101.728.946)	(3.980.730.516)	(1.243.268.448)	(14.275.325.167)
31/12/2022	**(23.308.379.470)**	**(21.894.364.602)**	**(30.199.766.685)**	**(2.929.955.830)**	**(78.332.466.587)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	**34.139.014.691**	**9.781.762.560**	**18.819.259.880**	**4.851.442.526**	**67.591.479.657**
31/12/2022	**61.654.415.434**	**10.718.617.987**	**14.838.529.364**	**3.644.830.578**	**90.856.393.363**

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 50.351.273.956 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 53.817.033.888 đồng)
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 23.581.862.561 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 22.097.439.684 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	**5.254.881.818**	**5.254.881.818**
- Thuê tài chính trong năm	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
31/12/2022	**5.254.881.818**	**5.254.881.818**
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2022	**(1.440.477.106)**	**(1.440.477.106)**
- Khấu hao trong năm	(676.345.320)	(676.345.320)
31/12/2022	**(2.116.822.426)**	**(2.116.822.426)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	**3.814.404.712**	**3.814.404.712**
31/12/2022	**3.138.059.392**	**3.138.059.392**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2022	**45.156.600.444**	**953.059.000**	**46.109.659.444**
31/12/2022	**45.156.600.444**	**953.059.000**	**46.109.659.444**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2022	**(9.989.621.935)**	**(718.864.703)**	**(10.708.486.640)**
- Khấu hao trong năm	(1.004.770.824)	(108.665.400)	(1.113.436.224)
31/12/2022	**(10.994.392.759)**	**(827.530.105)**	**(11.821.922.864)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2022	**35.166.978.509**	**234.194.297**	**35.401.172.804**
31/12/2022	**34.162.207.685**	**125.528.895**	**34.287.736.580**

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m2 tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**131.629.112.970**	**131.629.112.970**	**94.355.323.736**	**94.355.323.736**
- Công ty TNHH Posco VST	2.157.397.727	2.157.397.727	4.306.093.593	4.306.093.593
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Sen	12.018.272.205	12.018.272.205	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	1.747.217.740	1.747.217.740	709.006.320	709.006.320
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	99.659.640.814	99.659.640.814	69.760.853.681	69.760.853.681
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	7.132.172.477	7.132.172.477	12.254.693.421	12.254.693.421
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	-	428.726.228	428.726.228
- Các đối tượng khác	8.914.412.007	8.914.412.007	6.895.950.493	6.895.950.493
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**131.629.112.970**	**131.629.112.970**	**94.355.323.736**	**94.355.323.736**

c) Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	380.407.937	4.054.024.137	4.166.731.619	267.700.455
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	160.240.440	160.240.440	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	317.029.215	1.754.231.899	1.755.773.624	315.487.490
- Thuế thu nhập cá nhân	-	265.112.346	232.772.288	32.340.058
	697.437.152	**6.233.608.822**	**6.315.517.971**	**615.528.003**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	3.611.824	3.611.824	-	-
- Các loại thuế khác	5.600.000	10.600.000	5.000.000	-
	9.211.824	**14.211.824**	**5.000.000**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**380.088.409.310**	**380.088.409.310**	**920.576.448.799**	**873.835.237.077**	**333.347.197.588**	**333.347.197.588**
Vay ngắn hạn	***379.248.112.214***	***379.248.112.214***	***920.576.448.799***	***873.626.349.077***	***332.298.012.492***	***332.298.012.492***
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	174.023.381.804	174.023.381.804	340.067.132.150	306.183.461.284	140.139.710.938	140.139.710.938
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	135.365.049.665	135.365.049.665	262.236.614.070	221.547.090.088	94.675.525.683	94.675.525.683
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	69.859.680.745	69.859.680.745	318.272.702.579	345.895.797.705	97.482.775.871	97.482.775.871
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	-	***208.888.000***	***208.888.000***	***208.888.000***
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn	-	-	-	208.888.000	208.888.000	208.888.000
Nợ thuê tài chính (4)	***840.297.096***	***840.297.096***	-	-	***840.297.096***	***840.297.096***
- Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	840.297.096	840.297.096	-	-	840.297.096	840.297.096
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**652.723.702**	**652.723.702**	**54**	**840.297.042**	**1.493.020.744**	**1.493.020.744**
Nợ thuê tài chính dài hạn (4)	***652.723.702***	***652.723.702***	***54***	***840.297.042***	***1.493.020.744***	***1.493.020.744***
Cộng	**380.741.133.012**	**380.741.133.012**	**920.576.448.853**	**874.675.534.119**	**334.840.218.332**	**334.840.218.332**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Thuyết minh chi tiết cho các khoản vay:

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 34/2022-HĐCVHM/NHCT944-SHA ngày 19/10/2022 với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 200.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/10/2023;
- Lãi suất áp dụng theo lái suất thoả thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Các biện pháp đảm bảo: hợp đồng thế chấp bất động sản số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố số 124/HĐCC ngày 14/06/2016 và hợp đồng cầm cố số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015, hợp đồng bảo đảm số 49/2021/HĐBĐ/NHCT944-SHA ngày 18/11/2021, hợp đồng bảo đảm số 73/2021/HĐBĐ/NHCT944-SHA ngày 30/12/2021, hợp đồng số 56/HĐTC ngày 14/03/2017.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/7015218/HĐTD tháng 10 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng kỳ;
- Các biện pháp đảm bảo: Các thoả thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV-0001/KHDN/22 ngày 21/11/2022 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/KHDN/22 ký ngày 21/01/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể :
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Ngày đáo hạn: 21/11/2023;
- Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(4) Thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thuỷ lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

Thuê tài chính theo Hợp đồng chi thuê tài chính số 96.20.03/CTTC ngày 29/07/2020, giữa Công ty và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM để thuê xe Ford Everest Titanium và xe Ranger XLS AT 2.2L nhằm mục đích phục vụ hoạt động chung của Công ty. Lãi suất được áp dụng từ thời điểm giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	**6.942.583.636**	**18.775.455.274**
- Chi phí trích trước thưởng, hàng khuyến mại	4.475.983.460	14.153.734.682
- Chi phí quảng cáo	-	252.414.927
- Chi phí công tác, xăng dầu, lương doanh số,	1.984.218.894	4.127.649.111
- Chi phí lãi vay	482.381.282	241.656.554
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**6.942.583.636**	**18.775.455.274**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	**693.474.240**	**365.780.663**
- Tài sản thừa chờ giải quyết	215.740.481	25.312.603
- Kinh phí công đoàn	382.775.649	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.958.110	340.468.060
b) Dài hạn	**242.919.000**	**300.919.000**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	242.919.000	300.919.000
Cộng	**936.393.240**	**666.699.663**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	**318.539.760.000**	**(250.000.000)**	**12.175.510.997**	**17.171.347.920**	**347.636.618.917**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	14.627.297.099	14.627.297.099
- Phân phối lợi nhuận	15.926.990.000	-	1.511.286.074	(17.966.157.086)	(527.881.012)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*1.511.286.074*	*(1.511.286.074)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(251.881.012)*	*(251.881.012)*
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	-	-	-	*(276.000.000)*	*(276.000.000)*
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	*(15.926.990.000)*	*(15.926.990.000)*
31/12/2021	**334.466.750.000**	**(250.000.000)**	**13.686.797.071**	**13.832.487.933**	**361.736.035.004**
01/01/2022	**334.466.750.000**	**(250.000.000)**	**13.686.797.071**	**13.832.487.933**	**361.736.035.004**
- Lãi trong năm nay	-	-	-	24.406.370.595	24.406.370.595
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(16.999.337.500)	(16.999.337.500)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021	-	-	-	*(276.000.000)*	*(276.000.000)*
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	*(16.723.337.500)*	*(16.723.337.500)*
31/12/2022	**334.466.750.000**	**(250.000.000)**	**13.686.797.071**	**21.239.521.028**	**369.143.068.099**

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022//NQ-ĐHCĐ ngày 27/04/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	50.108.880.000	50.108.880.000
Ông Lê Hoàng Hà	28.795.530.000	28.795.530.000
Các cổ đông khác	255.562.340.000	255.562.340.000
Cộng	**334.466.750.000**	**334.466.750.000**

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	334.466.750.000	318.539.760.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	15.926.990.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	334.466.750.000	334.466.750.000
- **Cổ tức, lợi nhuận đã chia**	**16.723.337.500**	**15.926.990.000**

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.446.675	33.446.675
+ Cổ phiếu phổ thông	33.446.675	33.446.675
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.446.675	33.446.675
+ Cổ phiếu phổ thông	33.446.675	33.446.675
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	13.686.797.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Doanh thu	**1.064.179.673.832**	**844.863.328.204**
- Doanh thu bán hàng	1.064.179.673.832	844.863.328.204
Cộng	**1.064.179.673.832**	**844.863.328.204**

b) Doanh thu bán hàng với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.1

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
+ Chiết khấu thương mại	69.000.827.589	51.688.794.197
+ Hàng bán bị trả lại	-	795.992.748
Cộng	**69.000.827.589**	**52.484.786.945**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	887.824.800.605	701.832.355.421
Cộng	**887.824.800.605**	**701.832.355.421**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.316.234.327	187.409.397
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.000.000.000	10.000.000.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.422.658.810	6.303.540.120
Cộng	**25.738.893.137**	**16.490.949.517**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	23.660.856.437	18.660.171.366
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	450.272.757	554.349.837
Cộng	**24.111.129.194**	**19.214.521.203**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**25.203.873.104**	**21.026.244.618**
- Chi phí nhân viên	7.129.215.865	6.096.294.600
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.602.521	282.185.154
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.874.456.846	2.576.293.180
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.496.703.519	3.030.686.345
- Chi phí khác	13.385.894.353	9.040.785.339
b) Các khoản chi phí bán hàng	**58.065.941.078**	**52.543.630.081**
- Chi phí nhân viên	31.425.454.575	33.323.659.771
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.295.740.985	2.107.094.897
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.646.943.813	7.952.940.263
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.727.971.117	1.316.280.686
- Chi phí khác	13.969.830.588	7.843.654.464

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản khác	507.005.994	1.737.877.991
	507.005.994	**1.737.877.991**

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản chi phí khác	58.398.899	29.535.705
	58.398.899	**29.535.705**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	136.615.875.090	393.854.601.309
- Chi phí nhân công	44.763.732.249	45.154.336.931
- Khấu hao tài sản cố định	16.065.106.711	13.595.717.512
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.509.623.896	6.107.335.542
- Chi phí bằng tiền khác	28.620.495.044	17.851.067.558
	230.574.832.990	**476.563.058.852**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**26.160.602.494**	**15.961.081.739**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**610.557.000**	**707.841.583**
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	440.650.000	440.650.000
- Phần vượt mức trích nộp các quỹ an sinh xã hội	147.997.000	157.330.333
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	21.910.000	109.861.250
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**18.000.000.000**	**10.000.000.000**
- Cổ tức lợi nhuận được chia	18.000.000.000	10.000.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**8.771.159.494**	**6.668.923.322**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.754.231.899	1.333.784.640
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.754.231.899**	**1.333.784.640**

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:
- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2022	Hàng gia dụng	Hàng công nghiệp	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	306.598.786.719	688.580.059.524	995.178.846.243
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***306.598.786.719***	***688.580.059.524***	***995.178.846.243***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	80.689.863.140	26.664.182.498	107.354.045.638
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(83.269.814.182)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			**24.084.231.456**
Doanh thu hoạt động tài chính			25.738.893.137
Chi phí tài chính			(24.111.129.194)
Thu nhập khác			507.005.994
Chi phí khác			(58.398.899)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.754.231.899)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***24.406.370.595***

Năm 2021	Hàng gia dụng	Hàng công nghiệp	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	282.970.471.076	509.408.070.183	792.378.541.259
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***282.970.471.076***	***509.408.070.183***	***792.378.541.259***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.013.186.397	20.532.999.441	90.546.185.838
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(73.569.874.699)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			**16.976.311.139**
Doanh thu hoạt động tài chính			16.490.949.517
Chi phí tài chính			(19.214.521.203)
Thu nhập khác			1.737.877.991
Chi phí khác			(29.535.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.333.784.640)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***14.627.297.099***

Do đặc thù hoạt động kinh doanh nên Ban Tổng Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp. Theo đó, Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Đi thuê tài sản	-	121.134.540
Mua tài sản	-	31.818.182
Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.138.199.605	6.864.962.362
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	259.877.339.593	272.333.029.095
Chi phí dịch vụ	400.000	645.120
Chiết khấu thanh toán	6.422.658.810	6.303.540.120
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn hà		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	2.614.501.005	7.080.776.786
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	350.103.760.354	347.689.725.410
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.763.062.158	16.485.781.852
Lợi nhuận SHQ chuyển về	18.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	168.086.388.750	10.156.192.070
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	1.668.189.276	1.438.797.350
Cho thuê tài sản		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	5.922.897.220	17.343.865.090
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	671.002.090	9.557.660.732
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.283.675.897	2.712.402.125
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	-	617.175.249
Phải thu ngắn hạn khác		-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	10.000.000.000	-
Phải trả nhà cung cấp		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	948.185.051	169.950.351
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà (SHK)	-	1.555.887.607
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	99.659.640.814	69.760.853.681
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.747.217.740	709.006.320
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt	7.132.172.477	12.254.693.421
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	428.726.228

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	**853.497.000**	**836.236.000**
1. TGĐ: Bà Ngô Thị Thanh Lan	440.139.000	441.265.000
2. PTGĐ: Ông Hoàng Tuấn Thanh	413.358.000	394.971.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	**204.000.000**	**204.000.000**
1. Chủ Tịch: Lê Hoàng Hà	60.000.000	60.000.000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	36.000.000	36.000.000
3. Thành Viên: Nguyễn Văn Thuận	-	11.540.000
4. Thành Viên: Lê Văn Thành	36.000.000	36.000.000
5. Thành Viên: Lê Thị Thu Thủy	-	11.540.000
6. Thành Viên: Trịnh Thị Phương Linh	36.000.000	24.460.000
7. Thành Viên: Phạm Thị Uyên	36.000.000	24.460.000
Thù lao Ban Kiểm soát	**72.000.000**	**72.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Hoàng Oanh	Trần Thị Thu Hạnh	Ngô Thị Thanh Lan